

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày 23-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thanh Thủy.
- Ông Nguyễn Duy Quyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Thị Ph; sinh năm 1993; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Khuốc Đông, xã Phong Ch, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1963 (ông V được tặng thưởng Huy chương quân kỳ quyết thắng) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1969; Có chồng là Vũ Xuân Tr, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Đặng Văn Ni**- Sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn Ph M, xã M H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Anh **Đặng Tất G**- Sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Ph Ch, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Anh **Phạm Văn L**- Sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn Kh Đ, xã Ph Ch, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

(Có mặt bị cáo; Vắng mặt anh N, anh Gi, anh L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ph không có đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực cho vay tín dụng nhưng từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2024, Nguyễn Thị Ph đã cho 03 người vay với tổng số tiền là 47.000.000 đồng với mức lãi suất 2.777 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 101,3%/năm, gấp 5,065 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm và mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Ph quy định ngày trả lãi hàng tháng trùng với ngày vay, tháng thừa bù tháng thiếu để tiền lãi hàng tháng tương ứng với 30 ngày, cụ thể như sau:

Người thứ nhất: Ngày 08/12/2022, vì cần tiền để kinh doanh nên anh Đặng Văn N đến nhà Ph để vay số tiền 20.000.000 đồng, khi vay tiền anh N có viết giấy vay mượn tiền, thoả thuận miệng lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 60.000 đồng/ngày, 1.800.000 đồng/tháng, Ph thống nhất thu trước tiền lãi anh N phải trả trong tháng 12/2022 với số tiền là 1.800.000 đồng. Số tiền này Ph trừ luôn vào tiền vay gốc và đưa cho anh N 18.200.000 đồng, anh N đồng ý. Hàng tháng nếu chưa có tiền trả tiền vay gốc thì anh N phải trả tiền lãi cho Ph như đã thoả thuận. Từ tháng 12/2022 đến tháng 12/2023, anh N đã trả tiền lãi cho Ph bằng tiền mặt các tháng 01, 02, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12/2023 với tổng số tiền 23.400.000 đồng. Số tiền gốc đến nay anh N chưa trả cho Ph.

Trong thời gian từ ngày 08/12/2022 đến ngày 05/01/2024 (ngày phát hiện tội phạm) là 393 ngày, anh N phải trả cho Ph tổng số tiền lãi là 60.000 đồng x 393 ngày = 23.580.000 đồng nhưng số tiền thực tế anh N đã trả cho Ph là 23.400.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự Ph được phép thu đối với khoản vay của anh N là $(20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 393 \text{ ngày} = 4.306.850 \text{ đồng}$.

Đổi trừ số tiền lãi được phép thu của anh N theo quy định, số tiền Ph thu lợi bất chính từ việc cho anh N vay tiền bị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là $23.580.000 \text{ đồng} - 4.306.850 \text{ đồng} = 19.273.150 \text{ đồng}$.

Người thứ hai: Ngày 15/3/2023, anh Đặng Tất G vay của Ph số tiền 15.000.000 đồng. Khi vay anh Gi có viết giấy nợ, thoả thuận bằng miệng lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định), tương ứng 45.000 đồng/ngày thành tiền 1.350.000 đồng/tháng, tháng thừa bù tháng thiếu, trả tiền mặt cho Ph vào ngày trùng của tháng sau. Hàng tháng nếu chưa có tiền trả tiền vay gốc thì anh Gi phải trả tiền lãi cho Ph như đã thoả thuận. Từ tháng 3/2023 đến tháng 12/2023, anh Gi đã trả lãi bằng tiền mặt cho Ph các tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12/2023 với tổng số tiền là 12.150.000 đồng và vẫn chưa trả được tiền gốc.

Trong thời gian từ ngày 15/3/2023 đến ngày 05/01/2024 (ngày phát hiện tội phạm) là 296 ngày, anh Gi phải trả cho Ph tổng số tiền lãi là $45.000 \text{ đồng} \times 296 \text{ ngày} = 13.320.000 \text{ đồng}$. Thực tế số tiền lãi anh Gi đã trả cho Ph là 12.150.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự Ph được phép thu đối với khoản vay của anh Gi là $(15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 296 \text{ ngày} = 2.432.877 \text{ đồng}$.

Đổi trừ số tiền lãi được phép thu của anh Gi theo quy định, số tiền Ph thu lợi bất chính từ việc cho anh Gi vay tiền bị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là $13.320.000 \text{ đồng} - 2.432.877 \text{ đồng} = 10.887.123 \text{ đồng}$.

Người thứ 3: Ngày 11/6/2023, anh Phạm Văn L đến nhà vay Ph số tiền 12.000.000 đồng. Khi vay anh L có viết giấy nợ, lãi suất thoả thuận miệng là 1.000.000 đồng/12.000.000 đồng/tháng (tương ứng với số tiền 2.777 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương 34.000 đồng/ngày, 1000.000 đồng/tháng), tháng thừa bù tháng thiếu, anh L trả tiền lãi cho Ph vào ngày trùng của tháng sau. Ph đã thu trước tiền lãi anh L phải trả của tháng 6/2023 là 1.000.000 đồng. Số tiền lãi này Ph trừ luôn vào tiền vay gốc, chỉ đưa cho anh L số tiền 11.000.000 đồng, anh L đồng ý. Từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023, anh L đã trả lãi bằng tiền mặt cho Ph các tháng 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12/2023 là $1.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} = 7.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền gốc đến nay anh L chưa trả cho Ph.

Trong thời gian từ ngày 11/6/2023 đến ngày 05/01/2024 (ngày phát hiện tội phạm) là 208 ngày, anh L phải trả cho Ph tổng số tiền lãi là $33.324 \text{ đồng} \times 208 \text{ ngày} = 6.931.392 \text{ đồng}$ nhưng thực tế số tiền anh L đã trả cho Ph là 7.000.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự Ph được phép thu đối với khoản vay của anh L là $(12.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 208 \text{ ngày} = 1.367.671 \text{ đồng}$.

Đổi trừ số tiền lãi thu của anh L theo quy định, số tiền Ph thu lợi bất chính từ việc cho anh L vay tiền bị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là 6.931.392 đồng - 1.367.671 đồng = 5.563.721 đồng.

Tổng số tiền Ph cho anh Đặng Văn N, anh Đặng Tất G, anh Phạm Văn L vay là 47.000.000 đồng, tổng số tiền Ph thu lời bất chính bị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là 35.723.994 đồng.

Khám xét khẩn cấp tại gia đình Nguyễn Thị Ph ở Thôn Kh Đ, xã Phong Ch, huyện Đông Hưng, Cơ quan điều tra thu giữ 03 giấy vay tiền mang tên Đặng Văn N, Đặng Tất N và Phạm Văn L.

Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: anh Đặng Văn N, anh Đặng Tất Gi, anh Phạm Văn L phù hợp với lời khai của bị cáo về số tiền gốc đã vay và việc trả lãi cho bị cáo, đồng thời anh N, anh Gi, anh L yêu cầu bị cáo phải trả lại cho các anh số tiền lãi bị cáo thu vượt quá quy định của Nhà nước.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKSĐH ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ph về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Ph thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã kết luận và bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự. **Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Ph 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.** Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Ph.

3. Về xử lý vật, tiền liên quan đến việc phạm tội: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3.1. Buộc anh Đặng Văn N phải nộp số tiền gốc 20.000.000 đồng, anh Đặng Tất G phải nộp số tiền gốc 12.000.000 đồng, anh Phạm Văn L phải nộp số tiền gốc 15.000.000 đồng vay của bị cáo Nguyễn Thị Ph để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph phải nộp số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo đã thu của anh Đặng Văn N 4.000.000 đồng, anh Đặng Tất G 2.268.493 đồng, anh Phạm Văn L 1.263.164 đồng, tổng là 7.504.657 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph trả lại cho anh Đặng Văn N 19.400.000 đồng, anh Đặng Tất G 9.881.507 đồng, anh Phạm Văn L 5.763.836 đồng, tổng 35.045.343 đồng là số tiền lãi thu của anh N, anh Gi, anh L vượt quá quy định của Nhà nước.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Ph khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố: Thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023, bị cáo Nguyễn Thị Ph đã cho anh Đặng Văn N, anh Đặng Tất Gi, anh Phạm Văn L vay tổng số tiền gốc là 47.000.000 đồng với mức lãi suất từ 2.777 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 101,3%/năm đến 109,5%/năm, gấp 5,065 đến 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính tổng số tiền lãi là 35.723.994 đồng.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra còn được chứng minh bằng Biên bản khám xét cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ph cho cá nhân vay tiền với mức lãi suất 101,3%/năm đến 109,5%/năm, gấp 5,065 đến 5,475 lần mức lãi suất quy định của Nhà nước, thu lợi bất chính số tiền 35.723.994 đồng đã vi phạm khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố là đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[5] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân, làm mất trật tự trị an xã hội. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố bị cáo được tặng thưởng Huy chương quân kỳ quyết thắng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, số tiền bị cáo phạm tội không lớn, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp. Qua xác minh, hiện nay điều kiện kinh tế của bị cáo rất khó khăn, chồng bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo làm công nhân phải nuôi 02 con nhỏ, vì vậy áp dụng khoản 3 Điều 35, khoản 2 Điều 50 Bộ luật Hình

sự, xử phạt tiền bị cáo dưới mức thấp nhất quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự để bị cáo có điều kiện thi hành án và thể hiện sự nhận đạo, khoan hồng của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ph hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật, tiền liên quan đến việc phạm tội:

[9.1] Buộc anh Đặng Văn N, anh Đặng Tất Gi, anh Phạm Văn L phải nộp lại số tiền gốc vay của bị cáo Nguyễn Thị Ph để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9.2] Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph phải nộp lại số tiền lãi đã thu của anh Đặng Văn N, anh Đặng Tất Gi, anh Phạm Văn L tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9.3] Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph phải trả lại số tiền lãi thu lời bất chính cho anh Đặng Văn N, anh Đặng Tất Gi, anh Phạm Văn Long.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ph phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201 Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự. **Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Ph 40.000.000 đồng.**

3. Về xử lý vật, tiền liên quan đến việc phạm tội: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3.1. Buộc anh Đặng Văn N phải nộp số tiền gốc 20.000.000 đồng, anh Đặng Tất G phải nộp số tiền gốc 12.000.000 đồng, anh Phạm Văn L phải nộp số tiền gốc 15.000.000 đồng vay của bị cáo Nguyễn Thị Ph để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

3.2. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph phải nộp số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo đã thu của anh Đặng Văn N 4.000.000 đồng, anh Đặng Tất G 2.268.493 đồng, anh Phạm Văn L 1.236.164 đồng, tổng là 7.504.657 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ph trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính của anh Đặng Văn N, anh Đặng Tất Gi, anh Phạm Văn L vượt quá quy định của Nhà nước, trong đó trả cho anh Đặng Văn N 19.400.000 đồng, anh Đặng Tất G 9.881.507 đồng, anh Phạm Văn L 5.763.836 đồng, tổng 35.045.343 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Ph phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- TAND - VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND h. Đông Hưng;
- Chi cục THADS h. Đông Hưng;
- Công an h. Đông Hưng;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Phương Thảo

